TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 01 – 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Huỳnh Chí Trình**.
- Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm.**
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Kiều Minh Tiến -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Thái Thanh H** – sinh năm: 1973 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 4, phường T, thị xã B, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Văn K** - sinh năm: 1963 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24-10-2019, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Thái Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông K do tự quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới ông, bà sống chung với gia đình cha mẹ ruột của ông K tại ấp Hiếu Hậu, xã Hiếu Nghĩa. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cải với nhau, không tôn trọng nhau. Đến tháng 12 năm 1996 thì bà H đã đến Khu tái định cư khu vực 4, phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang để sinh sống và ông, bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn K.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thị Mỹ M, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1991 và Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày ngày 20 tháng 7 năm 1996. Hiện nay 02 con chung đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản khai ý kiến ngày 03/01/2020 và biên bản hòa giải tại tòa bị đơn ông Bùi Văn K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông K thống nhất theo lời trình bày của bà H về quá trình chung sống và mâu thuẫn; Giữa ông K và bà H có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay với yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông K đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thị Mỹ M, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1991 và Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày ngày 20 tháng 7 năm 1996. Hiện nay 02 con chung đã thành niên nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

- Nguyên đơn đã nộp: Công văn số 01/UBND ngày 22/10/2019 v/v xác nhận hộ tịch của UBND xã Hiếu Nghĩa, giấy khai sinh (bản sao), đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến, đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa bà và ông K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Bà H và ông K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông K.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông K do quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên bà H và ông K không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Bà H và ông K thống nhất xác định 02 con chung tên Bùi Thị Mỹ M, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1991 và Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày ngày 20 tháng 7 năm 1996 đã thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà H và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Thái Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Thái Thanh H và ông Bùi Văn K là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Thái Thanh H và ông Bùi Văn K thống nhất xác định 02 con chung tên Bùi Thị Mỹ M, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1991 và Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày ngày 20 tháng 7 năm 1996 đã thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Thái Thanh H và ông Bùi Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Thái Thanh H và ông Bùi Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Thái Thanh H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0007761 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Bà Thái Thanh H đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Ông Bùi Văn K không phải nộp án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lanh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh